

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư khai thác mỏ (đất san lấp) tại khu vực thôn Lọ, xã Lê Viễn và thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 81/TTr-STNMT ngày 28/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư khai thác mỏ (đất san lấp) tại khu vực thôn Lọ, xã Lê Viễn và thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang” (sau đây gọi là dự án) của Hợp tác xã sản xuất - dịch vụ Thạch Bàn Sơn Động (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Lọ, xã Lê Viễn và thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ

¹ Thành lập theo Quyết định số 43/QĐ-STNMT ngày 16/01/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Tài chính; UBND huyện Sơn Động, UBND xã Lê Viễn, UBND xã Vân Sơn, Hợp tác xã sản xuất - dịch vụ Thạch Bàn Sơn Động và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN_{Việt Anh}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN “ĐẦU TƯ KHAI THÁC MỎ (ĐẤT SAN LẤP) TẠI KHU VỰC
THÔN LỘ, XÃ LỆ VIỄN VÀ THÔN PHE, XÃ VÂN SƠN,
HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: “Đầu tư khai thác mỏ (đất san lấp) tại khu vực thôn LỘ, xã Lệ Viễn và thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang”.

- Địa điểm thực hiện: Thôn LỘ, xã Lệ Viễn và thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Hợp tác xã sản xuất - dịch vụ Thạch Bàn Sơn Động.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

* Phạm vi: Khu vực dự án thuộc địa phận thôn LỘ, xã Lệ Viễn và thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

* Quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích khu vực khai thác: 5 ha.

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 952.039 m³

- Công suất khai thác mỏ tối đa: 140.000m³/năm (công suất thay đổi theo kế hoạch khai thác và trữ lượng còn lại của mỏ theo từng năm không vượt quá 140.000 m³/năm).

- Mức sâu kết thúc khai thác: cốt +95m

- Tuổi thọ mỏ: 7 (bảy) năm (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mỏ 0,2 năm và không bao gồm thời gian cải tạo, phục hồi môi trường).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Nhà văn phòng (thuê của người dân gần khu vực dự án), tuyến hào mở vỉa, bãi rửa xe; mốc lộ giới, camera giám sát, trạm cân 80 tấn, kho chất thải nguy hại, nhà vệ sinh, thùng chứa rác thải sinh hoạt, xe bồn, hố lắng, rãnh thoát nước,...

- Hoạt động của dự án đầu tư: Đền bù, giải phóng mặt bằng, phát quang bề mặt; xây dựng tuyến hào mở vỉa, san gạt tuyến đường vận chuyên; xây dựng các công trình phụ trợ, công trình bảo vệ môi trường; tạo diện khai thác đầu tiên; xây dựng hố lắng, rãnh thoát nước; hoạt động khai thác, vận chuyên đất,...

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy

định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Diện tích khu vực khai thác 5 ha. Toàn bộ diện tích đất này là đất rừng sản xuất thuộc quản lý, sử dụng của 12 hộ gia đình, cá nhân tại địa phương được Nhà nước giao đất sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: Phát quang thảm thực vật, vận chuyển cây cối phát quang.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc,....:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các máy móc trong quá trình phát quang thảm thực vật; từ các phương tiện vận chuyển cây cối phát quang; từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng; từ máy móc thi công xúc bốc, làm đường giao thông và san gạt đất tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, xây dựng các công trình, hố lắng, rãnh thoát nước; từ máy móc thi công.

++ Bụi phát sinh từ hoạt động xúc bốc, đào đắp đất.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công; nước thải từ hoạt động thi công xây dựng và nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; chất thải từ hoạt động phát quang thảm thực vật; từ quá trình san gạt, đào đắp; từ hoạt động xây dựng. Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

+ Các rủi ro, sự cố như: Sự cố sạt lở, sụt lún; sự cố cháy nổ; sự cố do thiên tai; sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông,...

2.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động khai thác, vận chuyển đất và hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tác động tới môi trường:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đất; từ hoạt động của máy xúc, máy gạt.

++ Bụi phát sinh từ mặt đường do các phương tiện vận chuyển trên đường; từ quá trình xúc bốc, gạt trên khu vực khai thác.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân; nước mưa chảy tràn trên khai trường; nước thải từ quá trình rửa xe.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân; đất đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển đất; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình khai thác.

+ Các rủi ro, sự cố như: Sự cố sạt lở; sự cố do thiên tai; sự cố do sụt lún, xuống cấp tuyến đường vào mỏ, đường vận chuyển; sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công khoảng 0,64 m³/ngày. Các thông số ô nhiễm đặc trưng bao gồm: BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, tổng Coliforms...

- Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 5 m³/ngày. Các thông số ô nhiễm đặc trưng bao gồm: Chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công sẽ cuốn theo đất đá, rác, dầu mỡ... xuống hệ thống thoát nước của khu vực. Các thông số ô nhiễm đặc trưng của nước mưa bao gồm: COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS),...

* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các máy móc trong quá trình phát quang thảm thực vật; từ các phương tiện vận chuyển cây cối phát quang; từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng; từ máy móc thi công xúc bốc, làm đường giao thông và san gạt đất tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, xây dựng các công trình, hố lắng, rãnh thoát nước; từ máy móc thi công với thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: CO, SO₂, bụi,...

- Bụi phát sinh từ hoạt động xúc bốc, đào đắp đất với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 4 kg/ngày.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phát quang thảm thực vật khoảng 200 tấn. Thành phần chủ yếu là thân cây, cành, rễ, lá cây,...

- Chất thải rắn xây dựng như cát, đá, tôn, sắt thép xây dựng,... phát sinh khoảng 2,274 kg trong quá trình thi công xây dựng.

- Đất đá san gạt, đào đắp khoảng 7.687,04 m³

* Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng như dầu mỡ, giẻ lau dính dầu khoảng từ 1,5 đến 2 kg trong cả giai đoạn thi công.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc, phương tiện thi công; từ các phương tiện vận chuyển.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến hệ sinh thái, đa dạng sinh học khu vực; tác động tới kinh tế xã hội,...

- Tác động do rủi ro, sự cố: Sự cố sạt lở, sụt lún; sự cố cháy nổ; sự cố do thiên tai; sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông,...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân khoảng 1,6 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, tổng Coliforms...

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa xe khoảng 5,8 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS.

- Nước mưa chảy tràn trên khai trường cuốn theo đất đá xuống các thủy vực hoặc các vùng đất trũng làm cho nước có độ đục tăng cao và làm bồi lấp các rãnh thoát nước làm cản trở dòng chảy của khu vực. Thông số ô nhiễm đặc trưng: COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS),...

* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đất; từ hoạt động của máy xúc, máy gạt với thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: CO, SO₂, bụi,...

- Bụi phát sinh từ mặt đường do các phương tiện vận chuyển trên đường; từ quá trình xúc bốc, gạt trên khu vực khai thác. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các bộ, công nhân khoảng 10 kg/ngày.

- Đất đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển khoảng 1,4 m³/ngày.

* Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại như: Bóng đèn huỳnh quang hỏng; găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải, ... phát sinh khoảng 300kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông vận chuyển, máy móc, thiết bị như máy xúc, máy ủi,...

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động tới kinh tế - xã hội; tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái; tác động đến giao thông khu vực.

- Tác động do rủi ro, sự cố: Sự cố sạt lở; sự cố do thiên tai; sự cố do sụt lún, xuống cấp tuyến đường vào mỏ, đường vận chuyển; sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông,...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

Chủ dự án thuê công nhân tại địa phương có điều kiện ăn nghỉ tại nhà nhằm hạn chế nước thải sinh hoạt phát sinh. Bên cạnh đó, chủ dự án thuê nhà dân cạnh dự án làm văn phòng có bể tự hoại 3 ngăn xây ngầm dưới nhà vệ sinh. Công nhân sử dụng nhà vệ sinh tại nhà dân được thuê, nước thải được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra môi trường.

* Nước mưa chảy tràn

- Xây dựng rãnh thoát nước, hố lắng trong diện tích khai trường để thu gom, lắng cặn nước mưa chảy tràn. Rãnh thoát nước bằng đất có chiều dài rãnh 172m, chiều rộng mặt rãnh 1,2 m, chiều rộng đáy rãnh 0,4m, chiều sâu rãnh 0,4 m. Bố trí 05 hố lắng kích thước 3mx2mx1,5m/hố.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải xây dựng xâm nhập vào các hệ thống công rãnh gây tắc nghẽn, ứ đọng.

* Nước thải thi công

- Bố trí 01 thùng phi có dung tích 500 lít để chứa đựng nước rửa dụng cụ và tận dụng lượng nước này cho việc tưới đập bụi trong khu vực thi công.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí các phương tiện giao thông ra vào khu vực Dự án một cách hợp lý, không để ứ tắc giao thông, lưu lượng quá đông.

- Máy móc thiết bị tham gia thi công xây dựng đảm bảo các yếu tố đạt tiêu chuẩn khí thải.

- Thực hiện tưới nước trên khu vực thi công và trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu thi công (trong bán kính khoảng 2,5km đến khu vực

dự án) để giảm thiểu bụi với tần suất từ 2 đến 4 lần/ngày vào những ngày khô hanh, nắng nóng.

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc thiết bị, luôn để các máy móc thiết bị hoạt động trong trạng thái tốt nhất để hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng có hại.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Tuyển dụng công nhân tại địa phương có điều kiện ăn nghỉ tại nhà nhằm giảm bớt lượng rác thải sinh hoạt phát sinh.

+ Bố trí 01 thùng chứa rác thải sinh hoạt có dung tích 120 lít tại khu vực dự án để thu gom, phân loại chất thải tại nguồn. Đối với chất thải có thể tái sử dụng, tái chế như bao bì nhựa, chai lọ,... sẽ được thu gom để bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu. Đối với chất thải còn lại: Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 03 ngày/lần.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phát quang thảm thực vật: Toàn bộ cây lâm nghiệp và thực bì được cho người dân tận thu làm củi phục vụ đun nấu và phân bón cho nông nghiệp.

- Chất thải rắn xây dựng: Thực hiện phân loại chất thải rắn xây dựng:

+ Đối với các loại chất thải như tôn, sắt thép, bao bì...: Được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

+ Đối với các loại chất thải như: Đất, cát...: Được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng đường giao thông vào mỏ trong phạm vi khu vực Dự án.

- Đất đá phát sinh từ quá trình san gạt, đào đắp: Toàn bộ lượng đất đá này được tận dụng vào việc san lấp tạo mặt bằng thi công và cải tạo tuyến đường vào mỏ.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

Bố trí 04 thùng phi có dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu trữ. Mỗi thùng chứa chất thải nguy hại (CTNH) sẽ được dán nhãn tên CTNH, mã CTNH. Chủ Dự án lắp dựng kho chứa CTNH có diện tích 4m², nền xi măng, mái lợp tôn, có cửa, có biển cảnh báo để sử dụng trong quá trình thi công xây dựng cũng như quá trình mở hoạt động khai thác. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định cùng với CTNH phát sinh trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành khai thác khoáng sản.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Tổ chức thi công hợp lý (có tiến độ thi công đối với từng hạng mục công trình, thực hiện việc giám sát thi công chặt chẽ).

- Bố trí thời gian hoạt động của các thiết bị, tránh hiện tượng cộng hưởng lớn từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn và rung.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn.

Sau khi thực hiện các biện pháp trên, tiếng ồn, độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Tuân thủ phạm vi dự án trong chỉ giới cho phép.

- Để tránh xảy ra mâu thuẫn giữa công nhân xây dựng với người dân địa phương, chủ Dự án áp dụng các biện pháp sau:

- + Ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động tại địa phương;

- + Kết hợp với chính quyền các địa phương quản lý công nhân lưu trú trên địa bàn.

- Trong quá trình xây dựng, chủ dự án nghiêm túc thực hiện theo đúng bản vẽ thiết kế, không để đất đá treo sườn tầng. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá nguy cơ có thể xảy ra sụt lún, sạt lở để có phương án xử lý kịp thời.

- Trường hợp xảy ra sạt lở, sụt lún trong quá trình xây dựng cơ bản mở, chủ dự án sẽ thực hiện biện pháp: Dừng ngay hoạt động xây dựng cơ bản mở; báo cáo cho cán bộ giám sát nhằm kịp thời có phương án xử lý phù hợp đảm bảo an toàn về người và các khu vực giáp ranh; thực hiện việc khảo sát, xác định chiều dài đoạn bị sạt lở; lên phương án gia cố và tiến hành gia cố: Huy động máy móc, thiết bị tiến hành thi công gia cố, dùng máy xúc vỡ mái bờ để làm ổn định địa hình.

- Trường hợp để xảy ra hiện tượng sạt lở, sụt lún mà xác định nguyên nhân từ hoạt động của dự án, Chủ dự án phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Không để dầu mỡ, giẻ lau máy, thiết bị dễ cháy nổ gần các thiết bị gây cháy. Kiểm soát chặt chẽ các thiết bị có thể phát ra tia lửa để đề phòng nguy cơ cháy nổ.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải xây dựng xâm nhập vào các hệ thống cống rãnh gây tắc nghẽn, ú đọng.

- Vào những ngày mưa bão, chủ dự án sẽ chủ động tạm dừng hoạt động, yêu cầu tất cả cán bộ công nhân rời khỏi khu vực Dự án trong trường hợp mưa bão, không ở lại khu vực Dự án để tránh các tác động của thiên tai cho đến khi mưa bão đi qua mới hoạt động trở lại.

- Tất cả công nhân tham gia trên công trường xây dựng đều phải được đào tạo về an toàn lao động trước khi tham gia làm việc tại dự án. Các công nhân trực tiếp thi công khai thác máy móc phải được đào tạo thực hành.

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng hộ cá nhân như: Mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang,... và phải có những quy định nghiêm ngặt về sử dụng trang thiết bị bảo hộ trong khu vực công trường.

- Bố trí biển cảnh báo chú ý khu vực công trường tại các điểm đầu nối giao thông vào khu mỏ và tại các vị trí có nguy cơ mất an toàn giao thông.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Đối với nước thải sinh hoạt:

- Tiếp tục sử dụng nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn tại khu vực nhà văn phòng được thuê của nhà dân để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân viên làm việc tại dự án, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra môi trường.

- Định kỳ (03 tháng/lần) bổ sung chế phẩm sinh học vào bể tự hoại.

- Định kỳ (01 tháng/lần) kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước thải. Định kỳ (1 năm/lần) hợp đồng với đơn vị có chức năng hút cặn bể tự hoại vận chuyển đi xử lý theo quy định.

* Đối với nước mưa chảy tràn:

- Mỏ có điều kiện địa hình cao hơn khu vực xung quanh vì vậy phương pháp thoát nước chủ yếu của mỏ là tự chảy. Nước mưa chảy tràn chảy vào rãnh thoát nước bao quanh dưới chân đồi, dẫn dòng đưa nước về hố lắng để lắng cặn trước khi chảy ra rãnh thoát nước của khu vực.

- Năm thứ nhất đến năm thứ 6: Bố trí rãnh đất thoát nước mưa xung quanh khu vực khai thác. Rãnh đất có chiều dài 172 m, chiều rộng mặt 1,2 m, chiều rộng đáy 0,4m, chiều sâu 0,4 m. Bố trí 05 hố lắng kích thước 3mx2mx1,5m/hố.

- Năm thứ 7: Rãnh thoát nước trên bị san lấp hoàn toàn, dự án tiến hành đào rãnh thoát nước mới xung quanh khu vực khai thác. Rãnh đất chiều dài 845 m, chiều rộng mặt 0,8m, chiều rộng đáy 0,5m, chiều sâu 0,5m. Bố trí 05 hố lắng kích thước 3mx2mx1,5m/hố.

- Vào mùa mưa bão, chủ dự án sẽ hạn chế việc khai thác mỏ và thường xuyên kiểm tra toàn bộ hệ thống rãnh thoát nước, hố lắng để phát hiện những sự cố nhằm khắc phục kịp thời đảm bảo cho quá trình tiêu thoát nước cho toàn bộ khu mỏ cũng như khu vực xung quanh. Tần suất nạo vét toàn bộ hệ thống thoát nước và hố lắng 3 tháng/lần.

* Nước thải từ quá trình rửa xe: Được thu gom theo rãnh thoát nước (1,2m x 0,4mx0,4m) và dẫn nước về hố lắng có thể tích 8m³ để lắng cặn. Nước sau lắng

cần được tuân hoàn tái sử dụng để xịt rửa xe hoặc tận dụng để đập bụi khu vực khai thác, không xả thải ra môi trường.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trang bị xe tưới nước có dung tích bồn chứa khoảng 5m³. Tiêu chuẩn nước tưới đường 0,5 lít/m² (theo tiêu chuẩn Việt Nam TCXD33-2006).

+ Thực hiện tưới nước trên khu vực khai thác. Công tác tưới nước được thực hiện trong ngày (trừ những ngày mưa) nhằm giảm lượng bụi phát tán trong không khí, thời gian tưới và mật độ tưới tùy thuộc vào thời tiết trong ngày, số lần tưới khoảng từ 2 đến 4 lần/ngày, tăng lên từ 4 đến 6 lần/ngày vào những ngày khô hanh, nắng nóng.

+ Thực hiện phun nước trên đường vận chuyển bắt đầu từ mỏ đến tuyến đường liên thôn, QL 31 (trong phạm vi bán kính khoảng 2,5 km), nhằm giảm thiểu bụi, thời gian tưới và mật độ tưới nước tùy thuộc vào điều kiện thời tiết (không tưới nước vào ngày mưa), số lần tưới nước trung bình khoảng từ 4 đến 6 lần, tăng lên từ 6 đến 8 lần vào ngày khô, nắng nóng.

- Các phương tiện vận chuyển đất đi tiêu thụ khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do đất rơi vãi và khuấy tán bụi vào môi trường không khí do tác dụng của gió và đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông và hạn chế rơi vãi.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Thu dọn đất đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển nhằm giảm thiểu bụi, tạo cảnh quan, giao thông trên tuyến đường vận chuyển.

- Chủ Dự án sẽ duy tu, bảo dưỡng những đoạn đường chưa đạt yêu cầu cho vận tải nặng thường xuyên đi qua, không đổ đất bừa bãi.

- Chủ dự án sử dụng xe có tải trọng từ 15 tấn trở xuống để vận chuyển đất. Trường hợp xảy ra hư hỏng tuyến đường vận chuyển được xác định nguyên nhân do quá trình vận chuyển đất, Chủ dự án bố trí kinh phí, phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương đề kịp thời khắc phục, sửa chữa.

- Chủ Dự án trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: khẩu trang, mũ ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

* Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

- Tại khu vực khai trường và khu vực nhà văn phòng thuê, Chủ dự án bố trí 02 thùng rác có dung tích 120 lít/thùng có nắp đậy để công nhân bỏ chất thải. Chủ

dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đem đi xử lý theo quy định với tần suất 03 ngày/lần.

* Đối với đất đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển:

- Một phần đất rơi vãi từ quá trình xúc bốc, vận chuyển trên đường sẽ bố trí công nhân thường xuyên thu gom, quét dọn bằng máy gạt kết hợp với thủ công tiếp tục được sử dụng cho việc làm vật liệu san lấp.

- Không đổ đất quá đầy vượt quá chiều cao của thành xe.

- Bắt buộc các xe vận chuyển đất sử dụng bạt che phủ kín thùng xe, chằng buộc bạt chặt chẽ.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 04 thùng phi có dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại. Mỗi thùng chứa CTNH sẽ được dán nhãn tên CTNH, mã CTNH. Các thùng chứa chất thải nguy hại sẽ được lưu chứa tại kho chứa CTNH có diện tích 4m² (kho xung quanh xây tôn, nền xi măng, mái lợp tôn, cửa lưới thép, có biển cảnh báo). Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (Tần suất 01 lần/năm).

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Máy móc, thiết bị phục vụ khai thác phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc ở những khu vực có tiếng ồn cao.

- Không khai thác, vận chuyển đất vào giờ nghỉ trưa (từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút) và vào ban đêm (từ 19 giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau) để không gây ảnh hưởng đến những hộ dân sống xung quanh khu vực dự án cũng như những hộ dân sinh sống dọc tuyến đường vận chuyên.

Sau khi thực hiện các biện pháp trên, tiếng ồn, độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.2.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a. Phương án được lựa chọn thực hiện

* Đối với khu vực kết thúc khai thác và các taluy bảo vệ:

- Đối với khu mỏ: Kết thúc ở mức cốt +95m. Phần lớn mặt bằng kết thúc đã bằng phẳng và chân taluy theo thiết kế có tổng diện tích 40.500 m² (sau khi đã trừ diện tích bờ taluy được củng cố ổn định trong quá trình khai thác). Quá trình khai thác đã tiến hành vừa khai thác, vừa san gạt tạo mặt bằng đúng yêu cầu thiết kế, do đó trong giai đoạn phục hồi môi trường chỉ cần san gạt nhẹ tạo mặt bằng bằng phẳng để thuận lợi cho việc đào hố, bổ sung đất màu và trồng cây lâm nghiệp (*keo lai*), khối lượng san gạt khoảng 2.430 m³. Quá trình trồng cây sẽ được thực hiện đồng thời với quá trình san gạt, san gạt đến đâu trồng cây đến đó. Diện tích trồng cây 40.500 m², số hố trồng cây phải đào trên khu vực kết thúc khai thác ở cốt +95m như sau (mật độ cây 2.200 cây/ha): 4,05 ha x 2.200 cây/ha = 8.910 hố.

* Khơi thông toàn bộ hệ thống rãnh thoát nước, hố lắng

- Đối với hệ thống rãnh thoát nước, hố lắng, chủ dự án tiến hành nạo vét, khơi thông như sau:

+ Rãnh đất, kích thước: Chiều dài 845 m, chiều sâu nạo vét 0,3m (bề dày đất bồi lắng), chiều rộng nạo vét 0,5m. Khối lượng nạo vét 845 m x 0,3m x 0,5m = 126,75m³.

+ Hố lắng (05 hố): kích thước 6 m²/hố x chiều sâu nạo vét 0,5m/hố. Khối lượng nạo vét hố lắng là: (6 m² x 0,5 m) x 5 = 15 m³.

Tổng khối lượng nạo vét: 141,75 m³.

* Tháo dỡ các công trình

- Kho chứa chất thải được xây dựng, lắp đặt đơn giản vật liệu chủ yếu là thép, tôn nên sẽ được tháo dỡ hoàn toàn, tận thu nguyên liệu sử dụng cho mục đích khác.

- Các công trình lắp đặt như: Camera giám sát, trạm cân, mốc giới sẽ được chủ dự án tháo dỡ thu hồi hoàn toàn sử dụng cho mục đích khác, tránh lãng phí.

+ Đối với camera giám sát: Số lượng 01 chiếc.

+ Đối với trạm cân: Số lượng 01 trạm.

+ Đối với mốc giới (8 chiếc) được thiết kế theo quy cách: (0,2x0,3x0,8)m.

Khối lượng mốc giới cần tháo dỡ: (0,2x0,3x0,8)m x 8 = 0,384 m³.

* Cải tạo lại tuyến đường vào khu mỏ và tuyến đường nội bộ mỏ

- Đối với tuyến đường đất liên thôn: San gạt toàn bộ diện tích đường giao thông này có chiều dài 15 m tương ứng 60m² sẽ được san gạt hoàn trả lại như ban đầu. Chiều cao san gạt trung bình 0,3m, chiều rộng thiết kế tuyến đường 4m. Khối lượng san gạt xúc bốc 15m x 0,3m x 4m = 18 m³.

- Đối với tuyến đường đất vào mỏ (đất nhà ông Nguyễn Trọng Mịch): San gạt toàn bộ diện tích đường giao thông chiều dài 70 m tương ứng 420m² sẽ được san gạt hoàn trả lại như ban đầu. Chiều cao san gạt trung bình 0,3m, chiều rộng thiết kế tuyến đường 6m. Khối lượng san gạt xúc bốc 70m x 0,3m x 6m = 126 m³.

- Đối với tuyến đường nội bộ mở nằm trong diện tích mỏ, sẽ được san gạt, cải tạo phục hồi cùng với quá trình cải tạo, phục hồi khu vực kết thúc ở cốt +95m.

Vậy tổng khối lượng san gạt xúc bốc là 144 m³.

* Lắp đặt biển cảnh báo

Do đặc thù của khu mỏ là khai thác đất với diện tích 5 ha. Do vậy việc lắp đặt biển cảnh báo tại một số vị trí người dân thường xuyên đi lại qua, dễ quan sát, nguy cơ cao sạt lở, có độ chênh lệch cao, có nguy cơ mất an toàn cụ thể như sau: Cột biển báo bằng ống kẽm $\phi 60$, kích thước biển báo 0,6m x 0,6m, chất liệu bằng tôn thép không rỉ, số lượng 8 biển.

Căn cứ vào địa hình sau khi kết thúc khai thác của khu vực mỏ, khả năng cảnh báo đối với người dân xung quanh và mức độ qua lại của người dân đến khu vực sẽ bố trí số lượng biển báo phù hợp, cụ thể như sau: 8 biển báo bố trí tại 8 mốc giới của dự án.

b. Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Biện pháp thi công	Ghi chú
I. Các công trình tháo dỡ					
1	Kho chứa CTNH	m ²	04	Thủ công	Tháo dỡ, thu hồi
2	Camera giám sát	Chiếc	01	Thủ công	Tháo dỡ, thu hồi
3	Trạm cân	Trạm	01	Thủ công - máy	Tháo dỡ, thu hồi
4	Mốc giới (8 chiếc)	m ³	0,384	Thủ công	Tháo dỡ, thu hồi
II. Cải tạo đường giao thông					
1	Cải tạo tuyến đường đất	m ³	144	Thủ công - máy	-
III. Cải tạo mặt bằng kết thúc khai thác					
1	Kết thúc ở mức cốt +95	m ³	2.430	Máy ủi 110 cv	-
2	Lắp đặt biển cảnh báo	Chiếc	8	Thủ công	-
IV. Đào hố, trồng cây, bổ sung đất màu khu vực kết thúc khai thác					
1	Diện tích trồng cây trên khu vực kết thúc 4,05 ha	Hố	8.910	Thủ công	-
2	Bổ sung đất màu	m ³	240,57	Thủ công	-

V. Nạo vét hệ thống thoát nước, bảo dưỡng duy tu các công trình sau cải tạo					
1	Duy tu các công trình sau cải tạo	Hệ thống	Toàn bộ khu vực cải tạo, phục hồi	Thủ công - máy	-
2	Nạo vét rãnh thoát nước, hố lắng	m ³	141,75	Thủ công - máy	-

c. Kế hoạch thực hiện

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các công việc cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác như sau:

- Tháo dỡ kho chứa chất thải nguy hại; tháo dỡ Camera giám sát; tháo dỡ trạm cân; tháo dỡ mốc giới (8 chiếc); san gạt khu vực kết thúc khai thác; cải tạo lại tuyến đường vào khu mỏ và tuyến đường nội bộ mỏ; lắp đặt biển cảnh báo; nạo vét rãnh thoát nước, hố lắng: Hoàn thành trong thời gian 6 tháng, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

- Trồng và chăm sóc cây trên mặt bằng kết thúc khai thác: Thực hiện trong thời gian 03 năm, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

d. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là: **807.900.000 đồng** (bằng chữ: *Tám trăm linh bảy triệu chín trăm nghìn đồng*).

Do thời gian khai thác của Dự án là 7 năm, do đó Chủ dự án phải tiến hành ký quỹ nhiều lần. Số tiền ký quỹ lần đầu bằng 25% tổng số tiền ký quỹ (Căn cứ khoản 5, điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường).

Số tiền ký quỹ lần đầu: $807.900.000 \times 25\% = 201.975.000$ (đồng).

Từ năm thứ hai trở đi, số tiền phải ký quỹ là:

$(807.900.000 - 201.975.000)/(7-1) = 100.987.500$ (đồng).

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Giang.

4.2.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Bố trí cán bộ phụ trách an toàn mỏ có chuyên môn để thường xuyên theo dõi, giám sát, điều hành hoạt động khai thác theo đúng kỹ thuật, tránh để sự cố sạt lở đất xảy ra.

- Công nghệ khai thác đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác:

+ Khai thác theo thứ tự từ trên xuống dưới và tạo các tầng, mặt tầng quy định, hạn chế tối đa khả năng sạt lở xung quanh.

+ Trong quá trình khai thác, không để đất đá treo khai thác đến đâu chủ dự án sử dụng đất thải để gia cố sườn tầng, bờ bao, ngăn chặn sạt lở khi khai thác xuống sâu.

- + Những khu vực tiếp giáp có nguy cơ sạt lở, sụt lún cần củng cố ổn định.
- + Ưu tiên xử lý khu vực có độ cao lớn, vách vĩa thẳng đứng về trạng thái ổn định an toàn trước khi tiến hành khai thác.

+ Trong quá trình khai thác chủ dự án nghiêm túc thực hiện theo đúng thiết kế, tạo độ dốc taluy phù hợp thuận tiện cho việc tiêu thoát nước hạn chế ứ đọng làm giảm sự liên kết của đất đá.

- Trường hợp xảy ra sạt lở trong quá trình khai thác của dự án, chủ dự án sẽ thực hiện biện pháp: Dừng ngay hoạt động khai thác, vận chuyển đất; báo cáo cho cán bộ giám sát nhằm kịp thời có phương án xử lý phù hợp đảm bảo an toàn về người và các khu vực giáp ranh; thực hiện việc khảo sát, xác định chiều dài đoạn bị sạt lở; lên phương án gia cố và tiến hành gia cố: Huy động máy móc, thiết bị tiến hành thi công gia cố, dùng máy xúc vỗ mái bờ để làm ổn định địa hình.

- Nếu để xảy ra sự cố sạt lở xác định do nguyên nhân từ hoạt động của dự án thì chủ dự án sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường theo quy định.

- Theo dõi diễn biến về thời tiết để xây dựng phương án phòng chống thiên tai.

- Vào những ngày mưa bão, chủ dự án sẽ chủ động tạm dừng hoạt động, yêu cầu tất cả cán bộ công nhân rời khỏi khu vực Dự án trong trường hợp mưa bão, không ở lại khu vực Dự án để tránh các tác động của thiên tai cho đến khi mưa bão đi qua mới hoạt động trở lại.

- Có rào chắn, các biển báo nguy hiểm tại những nơi có khả năng sạt lở, sụt lún tầng khai thác, bờ moong.

- Các loại xe vận tải phải thường xuyên kiểm tra, kiểm định, tuân thủ các nội quy, quy chế vận tải.

- Vào những ngày mưa bão, chủ dự án sẽ chủ động tạm dừng hoạt động, yêu cầu tất cả cán bộ công nhân rời khỏi khu vực Dự án trong trường hợp mưa bão, không ở lại khu vực dự án để tránh các tác động của thiên tai cho đến khi mưa bão đi qua mới hoạt động trở lại.

- Chủ dự án thường xuyên tổ chức cho cán bộ, công nhân kỹ thuật, công nhân vận hành cơ giới, công nhân khai thác học tập các qui định, qui tắc về an toàn lao động, xây dựng các biện pháp cụ thể để đảm bảo an toàn lao động, hạn chế sự cố.

- Chủ dự án cam kết sử dụng xe có trọng tải từ 15 tấn trở xuống để vận chuyển đất đi san lấp. Trường hợp xảy ra hư hỏng tuyến đường được xác định nguyên nhân do quá trình vận chuyển đất đi san lấp thì Công ty sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng, đơn vị quản lý tuyến đường để kịp thời khắc phục, sửa chữa.

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng hộ cá nhân như mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang, kính mắt,... và có những quy định về sử dụng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Không khí làm việc:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong khu vực xây dựng mỏ.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- Tần suất giám sát: 01 lần trong quá trình xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN03:2019/BYT, QCVN02:2019/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT.

5.1.2 . Nước thải sinh hoạt:

Nước thải của dự án phát sinh khoảng 0,64 m³ /ngày, căn cứ khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải.

5.1.3 . Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5.2. Quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Không khí làm việc:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong khu vực khai thác.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN03:2019/BYT, QCVN02:2019/BYT, QCVN 24:2016/BTYT, QCVN 26:2016/BTYT.

5.2.2. Nước thải sinh hoạt:

Nước thải của dự án phát sinh khoảng 1,6 m³ /ngày, căn cứ khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải.

5.2.3. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật hiện hành khác trong quá trình thực hiện dự án.

- Thực hiện đúng quy định pháp luật về đất đai và các quy định pháp luật liên quan trước khi triển khai dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 81/TTr-STNMT ngày 28/02/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.